

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 845 / TCKH

Quận 11, ngày 29 tháng 6 năm 2020

V/v phản hồi ý kiến về dự thảo chấm
Bảng điểm 1100 cho Ngành Giáo dục
và Đào tạo năm học 2019-2020

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11;
- Hiệu trưởng các trường khối mầm non, khối tiểu học, khối trung học cơ sở và khối giáo dục khác.

Phòng Tài chính – Kế hoạch có nhận công văn số 594/GDDT-VP ngày 17/06/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc các phòng ban chuyên môn phối hợp chấm Bảng điểm 1100 cho Ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về Quy định nội dung, tiêu chuẩn, thang điểm và quy trình tổ chức chấm điểm, xét duyệt thi đua trên địa bàn Quận 11.

Qua theo dõi tình hình thực hiện các chỉ tiêu thi đua do Phòng Tài chính - Kế hoạch được phân công chấm cho các đơn vị và tổng hợp kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị gửi lên, Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo đến các đơn vị dự thảo kết quả chấm điểm của đơn vị mình. Riêng Trường THCS Lữ Gia, Phòng Tài chính - Kế hoạch chờ kết luận thanh tra tài chính để tổng hợp chấm điểm, do đó sẽ gửi kết quả về đơn vị để phản hồi sau.

Đề nghị các đơn vị nghiên cứu và gửi ý kiến phản hồi về Phòng Tài chính - Kế hoạch chậm nhất là ngày 02/7/2020 để thống nhất trước khi trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Hòa (3b).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Phan Thị Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA NĂM HỌC 2019-2020

(Khối Mầm non)

(Đính kèm Công văn số 845 /TCKH ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Mầm non																Quận
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	
I	CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH	150.00	150.00	150.00	150.00	149.00	150.00	150.00	150.00	150.00	149.50	150.00	144.00	147.00	150.00	150.00	150.00	150.00	150.00
1	Xây dựng dự toán ngân sách.	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
2	Thực hiện chính sách, chế độ tài chính	100.00	100.00	100.00	100.00	99.00	100.00	100.00	100.00	100.00	99.50	100.00	94.00	99.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
	- Xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo theo quy định	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	19.50	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
	- Thực hiện theo dõi, cấp nhật hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán.	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	24.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
	- Thực hiện các chính sách, chế độ tài chính hiện hành	30.00	30.00	30.00	29.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	29.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
	- Công khai dự toán và quyết toán ngân sách	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
3	Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	18.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
	- Thực hiện các quy định về sửa chữa, mua sắm và thanh lý tài sản	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
	- Cấp nhật sổ sách, quản lý và sử dụng tài sản công.	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	8.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
4	Thực hiện kiến nghị Kiểm toán, Thanh tra và Kiểm tra	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
II	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO	100.00	99.00	100.00	100.00	100.00	100.00	99.00	100.00	99.00	100.00	99.00	99.00	98.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00
I	Thời gian nộp Quy chế chi tiêu nội bộ	20.00	19.00	20.00	20.00	20.00	20.00	19.00	20.00	19.00	20.00	19.00	19.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
2	Báo cáo tài chính	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00	28.00	30.00	30.00	30.00	30.00	30.00
a	Báo cáo tài chính hàng quý	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
b	Báo cáo tài chính năm	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	8.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối Mầm non																Quận
			Phường 1	Phường 2	Phường 3	Phường 4	Phường 5	Phường 6	Phường 7	Phường 8	Phường 9	Phường 10	Phường 11	Phường 12	Phường 13	Phường 14	Phường 15	Phường 16	
3	Bảo cáo Lao động tiền lương hàng quý	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00
4	Bảo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là ND 16) hàng năm	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
a	Chỉ độ báo cáo hàng năm	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QL.TS	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
	Tổng điểm (I + II)	250.00	249.00	250.00	250.00	249.00	250.00	249.00	250.00	249.00	249.50	249.00	243.00	245.00	250.00	250.00	250.00	250.00	250.00

***Thuyết minh:**

I. Về công tác Quản lý tài chính

Trường Mầm non Phường 4: Trừ 1đ (Đơn vị trích nguồn CCTL thiếu (-1đ)).

Trường Mầm non Phường 9: Trừ 0.5đ (Trong quy chế CTNB, đơn vị vận dụng văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp và xây dựng nội dung phụ cấp thêm giờ chưa đúng quy định(-0.5đ)).

Trường Mầm non Phường 12: Trừ 5đ (Đơn vị trích nguồn CCTL thiếu (-1đ), Đơn vị chưa lập BCTC (-2đ); Đơn vị cập nhật tài sản, CCDC chưa đầy đủ, tính sai số lũy kế hao mòn (-2đ)).

II. Về Chế độ thông tin báo cáo

Trường Mầm non Phường 1: Trừ 1đ (Đơn vị chưa nộp Quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ)).

Trường Mầm non Phường 6: Trừ 1đ (Đơn vị chưa nộp Quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ)).

Trường Mầm non Phường 8: Trừ 1đ (Đơn vị chưa nộp Quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ)).

Trường Mầm non Phường 10: Trừ 1đ (Đơn vị chưa nộp Quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ)).

Trường Mầm non Phường 11: Trừ 7đ (Đơn vị chưa nộp Quy chế chi tiêu nội bộ (-1đ); Đơn vị quyết toán biên lai 04 quỹ trẻ hạn (-6đ)).

4	Báo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là ND 16) hàng năm	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	5.00	15.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	15.00
a	Chế độ báo cáo hàng năm	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	0.00	10.00	15.00	15.00	15.00	0.00	15.00	15.00	15.00	15.00	10.00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QL.TS	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
	Tổng điểm (I + II)	250.00	243.00	249.00	247.50	248.00	249.50	249.00	218.50	244.00	248.00	245.00	249.00	219.00	239.50	248.00	249.00	247.00	250.00	245.00

* Thuyết minh:

I. Về công tác Quản lý tài chính:

Trường Tiểu học Hòa Bình: Trừ 0,5 đ (Đơn vị chưa bổ sung nội dung chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND cho đối tượng Hợp đồng Nghị định 68 vào quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định (-0,5 đ)).

Trường Tiểu học Hưng Việt: Trừ 6 đ (Đơn vị để tồn quỹ tiền mặt tài đơn vị nhiều (-1 đ); Đối với các khoản chi trên 5 triệu đồng, đơn vị chưa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 và Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 (-1 đ); Đơn vị chưa thực hiện mở sổ và ghi chép để theo dõi riêng quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 và quỹ tài trợ theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 (-0,5 đ); Đối với các nội dung chi từ 200.000 đồng trở lên, đơn vị không đính kèm hóa đơn hoặc chứng từ gốc theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/3/2010 và Điều 3 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 (-1 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Chưa mở sổ theo dõi TSCĐ và CCDC (-2 đ)).

- Trường Tiểu học Lạc Long Quân: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc: Trừ 1 đ (Đơn vị chưa xây dựng nội dung chi đồng phục cho giáo viên dạy Thể dục trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Đơn vị chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND cho đối tượng thụ hưởng chưa đúng quy định (-0,5 đ)).

- Trường Tiểu học Nguyễn Thi: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Phạm Văn Hai: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên: Trừ 4 đ (Đơn vị chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (-2 đ); Chưa hạch toán giá trị tài sản vào Bảng cân đối, số liệu trên báo cáo tài chính không khớp với số liệu trên Sổ tài sản (-2 đ)).

- Trường Tiểu học Đê Thâm: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Trung Trắc: Trừ 3 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ); Chưa mở sổ theo dõi TSCĐ và CCDC (-2 đ)).

- Trường Tiểu học Phú Thọ: Trừ 2 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ); Đối với các khoản chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tính theo mức lương 1,21 triệu đồng, đơn vị chi sai nguồn theo quy định (chỉ từ nguồn cải cách tiền lương) (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Phùng Hưng: Trừ 1,5 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ); Đơn vị chưa bổ sung mức chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND cho đối tượng hợp đồng Nghị định 68 vào quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ)).

- Trường Tiểu học Trần Văn Ôn: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường Tiểu học Âu Cơ: Trừ 13,5 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ); Đơn vị chi không dùng nguồn quỹ theo quy định: trong năm 2019 đơn vị không có phát sinh chênh lệch thu chi nhưng đơn vị đã chi các khoản chi trả cho CB-GV-CNV từ quỹ phúc lợi, số tiền ăn hiện đơn vị còn nợ Công Ty suất ăn do đơn vị sử dụng để chi một số hoạt động tại đơn vị và chi nội dung phúc lợi cho giáo viên, công nhân viên của trường (-2 đ); Đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về lập, lưu trữ và ký chứng từ kế toán theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 18 và khoản 3 Điều 19 Luật Kế toán; đến thời điểm kiểm tra, đơn vị chưa lập phiếu thu và phiếu chi từ tháng 01 đến tháng 12/2019, Thủ quỹ thu, chi tiền mặt và ghi chép sổ quỹ khi chưa có phiếu chi được Hiệu trưởng ký duyệt, kế toán dựa vào sổ quỹ của thủ quỹ để ghi sổ kế toán, kế toán và thủ quỹ không cùng ghi chép song song các nội dung thu chi phát sinh tại đơn vị để đối chiếu, kiểm tra theo đúng quy định (-2 đ); Đối với các khoản chi thanh toán cả nhân như: thù lao dạy buổi 2 của giáo viên, tiền chấm sóc bản trú, thù lao buổi 2 cho bộ phận văn phòng, ... : Trên bảng thanh toán cho đối tượng thu hưởng tại đơn vị được Hiệu trưởng ký duyệt không khớp với danh sách chuyển cho Ngân hàng để làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản thanh toán của đơn vị sang các tài khoản của cá nhân theo từng đối tượng thu hưởng, đơn vị không thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018, đơn vị chưa thực hiện công khai đến từng đối tượng thu hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng (-4 đ); Chưa mở sổ theo dõi TSCD và CCDC (-2 đ); Chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (-2 đ); Số liệu chưa khớp giữa biên lai và báo cáo quyết toán (-0,5 đ).

- Trường Tiểu học Quyết Thắng: Trừ 10 đ (Một số nội dung chi đơn vị không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Đơn vị không sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán những nội dung chi từ trên 200.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 (-1 đ); Đơn vị không sử dụng biên lai tài chính để thu tiền học sinh đối với các khoản thu chi hộ: Tiền ăn, nước uống, giấy thi, ... (-1 đ); Đơn vị chưa lập phiếu thu, phiếu chi và mở sổ theo dõi các khoản thu chi quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT (-0,5 đ); Đối với các khoản thanh toán cả nhân và các khoản chi trên 5 triệu đồng, đơn vị chưa thực hiện theo quy định của Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Thông tư số 136/2018/TT-BTC (-1 đ); Đơn vị chưa thực hiện kê khai thuế và sử dụng hóa đơn theo quy định tại Công văn số 7686/BTC-CST ngày 12/6/2017 của Bộ Tài chính (-1 đ); Chưa thực hiện quy trình mua sắm theo quy định (-3 đ); Chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (-2 đ).

- Trường Tiểu học Thái Phiên: Trừ 14 đ (Đơn vị sử dụng phiếu chi không đúng mẫu theo quy định Thông tư số 107/2017/TT-BTC (-0,5 đ); Đơn vị không sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán những nội dung chi từ trên 200.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 (-1 đ); Một số chứng từ thiếu chữ ký người nhận tiền, thiếu chữ ký của Thủ trưởng đơn vị, chứng từ bôi xóa, sửa số tiền, không đúng chữ ký, không đúng nội dung chi (-2,5 đ); Các khoản thanh toán cả nhân và các khoản chi trên 5 triệu đồng, đơn vị chưa thực hiện theo quy định của Thông tư số 13/2017/TT-BTC và Thông tư số 136/2018/TT-BTC (-1 đ); Đơn vị chưa điều chỉnh mức thu đối với một số nội dung thu trong quy chế chi tiêu nội bộ theo Văn bản số 1610/UBND-TRCKH ngày 12/11/2019 (-0,5 đ); Nhiều nội dung chi đơn vị không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Đơn vị để tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị nhiều (-1 đ); Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ); Đơn vị chưa in đầy đủ sổ kế toán (-1 đ); Chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (-2 đ); Chưa mở sổ theo dõi TSCD và CCDC (-2 đ); Đơn vị xuất biên lai (BL 730751-730800) nhưng chưa phản ánh vào nguồn thu (-1 đ).

II. Về chế độ thông tin báo cáo:

- Trường Tiểu học Âu Cơ: Trừ 18 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ); Chưa lập báo cáo tài chính năm theo quy định (-2 đ); Chưa thực hiện chế độ báo cáo tài sản công hàng năm (-15 đ)).
- Trường Tiểu học Đại Thành: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Hàn Hải Nguyên: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Hưng Việt: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Lạc Long Quân: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Phạm Văn Hai: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Phùng Hưng: Trừ 1 đ (Chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 (-1đ)).
- Trường Tiểu học Thái Phiên: Trừ 17 đ (Chưa lập báo cáo tài chính năm theo quy định (-2 đ); Chưa thực hiện chế độ báo cáo tài sản công hàng năm (-15 đ)).
- Trường Tiểu học Quyết Thắng: Trừ 0,5 đ (Đơn vị lập báo cáo tài chính chưa chính xác, đúng, đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC (-0,5 đ)).
- Trường Tiểu học Đê Thám: Trừ 5 đ (Nộp báo cáo tài sản công hàng năm trễ (-5 đ)).
- Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nhỏ: Trừ 5 đ (Nộp báo cáo tài sản công hàng năm trễ (-5 đ)).

STT	Nội dung	Điểm chuẩn	Khối THCS & Giáo dục khác										
			Chu Văn An	Lư Gia	Hậu Giang	Nguyễn Văn Phú	Lê Quý Đôn	Nguyễn Huệ	Nguyễn Minh Hoàng	Lê Anh Xuân	Phú Thọ	15 Th 5	Bồi dưỡng Giáo dục
3	Báo cáo Lao động tiền lương hàng quý	15.00	15.00		15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00
4	Báo cáo thực hiện Nghị định 43 (sau này là NĐ 16) hàng năm)	10.00	10.00		10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
5	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công	20.00	20.00		20.00	20.00	20.00	15.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00
a	Chế độ báo cáo hàng năm	15.00	15.00		15.00	15.00	15.00	10.00	15.00	15.00	15.00	15.00	15.00
b	Công tác nhập liệu vào phần mềm QLTS	5.00	5.00		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
6	Báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu	5.00	5.00		5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
	Tổng điểm (I + II)	250.00	245.50		249.00	247.50	245.00	250.00	245.00	245.50	249.00	249.00	250.00

* Thuyết minh:

I. Về công tác Quản lý tài chính:

- Trường THCS Chu Văn An: Trừ 4,5 đ (Đơn vị để tồn quỹ tiền mặt nhiều tại đơn vị (-1 đ); Đơn vị không sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán những nội dung chi từ trên 200.000 đồng và sử dụng bảng kê đối với những nội dung chi dưới 200.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 (-1 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng (-0,5 đ); Đơn vị trích cải cách tiền lương nhiều năm 2019 (-1 đ); Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương để chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND cho các đối tượng được hưởng không đúng quy định (-0,5 đ)).

- Trường THCS Hậu Giang: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

- Trường THCS Lê Anh Xuân: Trừ 3,5 đ (Đơn vị để tồn quỹ tiền mặt nhiều tại đơn vị (-1 đ); Đơn vị không sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán những nội dung chi từ trên 200.000 đồng và sử dụng bảng kê đối với những nội dung chi dưới 200.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 (-1 đ); Đơn vị thu tiền vệ sinh phí từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 vượt mức so với quy định tại văn bản số 1610/UBND-TCKH ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân quận (-0,5 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng (-0,5 đ)).

- Trường THCS Lê Quý Đôn: Trừ 5 đ (Đơn vị không sử dụng hóa đơn tài chính để thanh toán những nội dung chi từ trên 200.000 đồng và sử dụng bảng kê đối với những nội dung chi dưới 200.000 đồng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 (-1 đ); Đơn vị lập, lưu trữ và ký chứng từ kế toán theo đúng quy định của Luật Kế toán (-1 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ (-0,5 đ); Một số nội dung chi đơn vị chưa thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng (-0,5 đ); Đơn vị chưa xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (-2 đ)).

- Trường THCS Nguyễn Văn Phú: Trừ 2,5 đ (Đơn vị để tồn quỹ tiền mặt nhiều (-1 đ); Đơn vị trích cải cách tiền lương còn thiếu năm 2019 (-1 đ); Số quỹ tiền mặt của Thủ quỹ không đánh số trang, không ghi trang đầu, bôi xóa bằng bút xóa, không ghi tổng số tiền phát sinh lũy kế, không ghi số tiền tồn mỗi ngày (-0,5 đ)).

- Trường THCS Phú Thọ: Trừ 1 đ (Đơn vị trích thiếu nguồn CCTL năm 2019 (-1 đ)).

II. Về chế độ thông tin báo cáo:

- Trường THCS Lê Anh Xuân: Trừ 1 đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1 đ)).

- Trường Chuyên biệt 15/5: Trừ 1 đ (Đơn vị chưa nộp quy chế chi tiêu nội bộ (-1 đ)).

- Trường THCS Nguyễn Minh Hoàng: Trừ 5 đ (Đơn vị nộp báo cáo tài sản công hàng năm trễ (-5 đ)).

- Trường THCS Lữ Gia: Đang chờ Kết luận thanh tra, tạm thời chưa chấm điểm.